

Bản án số: 28/2022/KDTM-PT

Ngày: 02/12/2022

*V/v: tranh chấp giữa người chưa phải
là thành viên công ty nhưng có giao
dịch về chuyển nhượng cổ phần*

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Huyền Cường;

Các thẩm phán:

1. Ông Phùng Hải Hiệp;

2. Ông Điều Văn Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Minh Tùng – Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Ông Trần Văn Nhiễm - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 02 tháng 12 năm 2022, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại phúc thẩm thụ lý số 27/2021/TLPT-KDTM ngày 11 tháng 10 năm 2021 về việc “tranh chấp giữa người chưa phải là thành viên công ty nhưng có giao dịch về chuyển nhượng cổ phần”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST, ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10746/2022/QĐ-PT, ngày 08 tháng 11 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn:

1. Ông Hoàng Minh G; địa chỉ: Số nhà A, tổ E, phường T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

2. Ông Vũ Bá L; địa chỉ: DV G - LK B khu D, phường K, quận H, thành phố Hà Nội. Có mặt.

3. Ông Nguyễn Đức T; địa chỉ: Số B, ngõ B, đường P, tổ A, phường H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Minh T1 – Nguyên Chủ tịch Hội đồng quản trị, nguyên Giám đốc Công ty cổ phần T4; địa chỉ: Số F, đường C, tổ I, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty cổ phần T4.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Trung T2 – Giám đốc; địa chỉ cư trú: Số nhà A Chùa V, phường Đ, quận H, thành phố Hải Phòng. Vắng mặt.

2. Chị Đào Thùy D; địa chỉ: Số nhà F đường C, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

3. Chị Nguyễn Thị L1, sinh năm 1976; địa chỉ: Số nhà A, tổ E, phường Đ, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

4. Ông Nguyễn Thanh L2; địa chỉ: Xóm Đ, xã T, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Vắng mặt.

5. Ông Hoàng Văn T3; địa chỉ: Xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 26/5/2020 và quá trình giải quyết vụ án, các nguyên đơn là ông Nguyễn Minh G1, Nguyễn Đức T, Vũ Bá L trình bày:

Đầu năm 2011 các ông có nhận chuyển nhượng cổ phần của các cổ đông sáng lập tại Công ty cổ phần T4 (sau đây gọi tắt là Công ty T4), có trụ sở tại: Tổ H phường H, thành phố H, tỉnh Hòa Bình. Ông Hoàng Minh G nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Minh T1 5% cổ phần, từ bà Nguyễn Thị L1 20% cổ phần, từ chị Đào Thùy D 5% cổ phần. Tổng cộng ông G có 30% cổ phần tại Công ty. Ông Nguyễn Đức T nhận chuyển nhượng từ ông Nguyễn Minh T1 và ông Vũ Bá L. Tổng cộng ông T có 22,5% cổ phần, ông Vũ Bá L tham gia Công ty ngay từ đầu, lúc đó ông còn là công chức nhà nước nên đã lấy tên cháu là Hoàng Văn T3. Tổng cộng ông L có 10% cổ phần.

Thời điểm năm 2011 ông Nguyễn Minh T1 làm giám đốc Công ty. Việc chuyển nhượng cổ phần đã thực hiện đúng theo thỏa thuận, hoàn toàn tự nguyện. Ông G, ông T, ông L đã nộp đủ tiền vào Công ty, cụ thể: Ông G nộp 525.000.000đ, ông T nộp 190.000.000đ, ông L nộp 155.000.000đ. Việc chuyển nhượng và nộp tiền vào Công ty đều được Giám đốc Công ty T4 xác nhận.

Tại Nghị quyết hội nghị cổ đông ngày 22/3/2011 của Công ty T4, trong mục: “ 3. Thay đổi một số thành viên góp vốn và tỷ lệ cổ phần thực tế như sau:

Do nhiều lý do khác nhau mà một số thành viên Công ty không có khả năng đóng góp cổ phần của mình trong Công ty và một thành viên có nhu cầu chuyển nhượng cho các thành viên mới cụ thể tỷ lệ cổ phần của Công ty H1 như sau (tổng 100%):

1. Ông Nguyễn Minh T1 37,5% cổ phần;
2. Ông Hoàng Minh G 30% cổ phần;
3. Ông Nguyễn Đức T 22,5% cổ phần;
4. Ông Vũ Bá L 10% cổ phần.

Công ty lập hồ sơ trình Phòng đăng ký kinh doanh, sửa đổi điều lệ và vào sổ đăng ký cổ đông bổ sung các thành viên mới, xóa bỏ các thành viên cũ theo đúng các quy định của pháp luật hiện hành (Nghị quyết này thay thế cho các Nghị quyết trước đây về tỷ lệ cổ phần và có giá trị pháp lý kể từ ngày được ký) ”.

Sau khi nhận chuyển nhượng cổ phần và Nghị quyết hội nghị cổ đông ghi nhận các ông G, L, T có tham gia nhiều hoạt động của Công ty như bàn kế hoạch phát triển Công ty, tham gia các cuộc họp thương thuyết với các hộ dân có đất, tài sản trên đất trong phạm vi của dự án bị ảnh hưởng... Tuy nhiên Giám đốc Công ty là ông Nguyễn Minh T1 không thực hiện Nghị quyết hội nghị cổ đông đã ký kết. Ông T1 không báo cáo Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh về thay đổi cổ đông Công ty, không đưa chúng tôi vào danh sách cổ đông. Tự ý thực hiện các công việc theo ý chí của ông T1 như cho thuê đường điện, cho thuê ao thả cá... Khi chúng tôi phát hiện ra hành vi sai trái của ông T1, chúng tôi đã nhiều lần yêu cầu ông T1 thực hiện đúng theo Nghị quyết hội nghị cổ đông nhưng ông T1 vẫn cố tình không thực hiện. Chúng tôi đã có nhiều văn bản gửi đến các cơ quan bảo vệ pháp luật, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh yêu cầu giải quyết quyền lợi cho chúng tôi. Ông T1 đã lập hồ sơ giả mạo trình Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh thay đổi đăng ký kinh doanh nhiều lần. Đến nay đã thay đổi đăng ký kinh doanh lần thứ tư.

Sau nhiều lần khiếu nại, ngày 27/9/2019 Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh đã ban hành Quyết định số 13 về việc hủy bỏ đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 2 của Công ty T4, do nội dung thông tin giả mạo. Khôi phục giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ nhất ngày 27/12/2006. Tuy nhiên, sau đó ông T1 tiếp tục giả mạo hồ sơ trình Nghị quyết của Công ty để làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần thứ 4. Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ông T1 sang ông Nguyễn Trung T2, do trước đó ông T1 đã chuyển nhượng 65%/76,4% cổ phần cho ông Nguyễn Trung T2. Ngày 03/01/2020 Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh H cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, do ông Nguyễn Trung T2 làm Giám đốc Công ty.

Ông T1 đã vi phạm thỏa thuận về việc chuyển nhượng cổ phần giữa chúng tôi, không thực hiện Nghị quyết hội nghị cổ đông Công ty đã ban hành. Ông G, ông T, ông L khởi kiện đề nghị buộc ông T1 - Giám đốc Công ty T4 phải thực hiện Nghị quyết hội nghị cổ đông ngày 22/3/2011, đề nghị được ghi tên các ông vào danh sách cổ đông Công ty, được hưởng các quyền lợi của cổ đông trong Công ty theo quy định của pháp luật.

Ông Nguyễn Minh T1 là bị đơn có yêu cầu phản tố trình bày: Việc ông G, ông T, ông L nhận chuyển nhượng cổ phần từ các cổ đông sáng lập trong Công ty T4 là đúng. Công ty thành lập từ năm 2005, đăng ký vốn điều lệ là 5,5 tỷ đồng. Nghị quyết hội nghị cổ đông ngày 22/3/2011 xác định tỷ lệ cổ phần và số tiền đóng góp của các cổ đông đúng như trình bày của ông G, ông T, ông L. Tính đến ngày 30/3/2012 ông G đã góp vốn 525.000.000đ tương đương 30% cổ phần, ông T góp vốn 190.000.000đ tương đương 22.5% cổ phần, ông L góp vốn

155.000.000đ tương đương 10% cổ phần, số tiền trên đã sử dụng để bồi thường, giải phóng mặt bằng dự án. Sau khoảng 01 tháng tính từ ngày họp hội nghị cổ đông và quyết toán số tiền từng thành viên đã đóng góp, UBND tỉnh quyết định hỗ trợ thêm công cải tạo đất cho các hộ dân, tổng khoảng 700.000.000đ. Tôi đã thông báo cho các thành viên góp thêm tiền để trả cho dân, nhưng không ai đóng góp. Đến ngày 04/10/2012 tôi mời tất cả các thành viên họp và quyết toán số tiền đã góp và kê khai các khoản chi phí cho dự án, các thành viên đã nhất trí và ký vào biên bản. Ngày 28/12/2012 khi các hộ dân kéo đến đòi đất thì tôi mới lo được tiền trả cho các hộ dân, khi đó anh T là người ghi biên bản. Kể từ thời điểm đó đến nay không có ai tham gia đóng góp, một mình tôi tự bỏ vốn và vay mượn thêm để đầu tư dự án. Thực tế tôi đã đầu tư vào dự án khoảng 04 tỷ đồng. Do lúc đầu tư vào dự án không khảo sát kỹ, dự án nằm ở vùng rón lũ, suối từ dốc đổ ra mùa mưa đã cuốn hết tài sản đã xây dựng của Công ty, nước ngập nên không thể đầu tư phát triển gì được. Nên dự án đã bỏ hoang nhiều năm nay.

Tháng 03/2015 anh T hỏi mượn khoảng 1200m² đất tại khu đất giáp ranh giữa dự án và khu V của anh T, tôi có viết giấy cho mượn, nhưng do tôi đi vắng anh T đã thuê máy đập toàn bộ tường đá xây từ trước và chiếm thêm, anh T đang sử dụng khoảng 4000m² đất.

Từ cuối năm 2015 anh G đã gặp tôi nhiều lần để bàn bạc về vấn đề cổ phần, đã có nhiều phương án được nêu ra nhưng không thực hiện được. Anh G đã nhiều lần gửi đơn đến Công an tỉnh yêu cầu giải quyết việc tôi lừa đảo chiếm dụng tiền và đã được Công an tỉnh H trả lời tôi không phạm tội lừa đảo, đây là việc thỏa thuận dân sự, tự nguyện góp vốn cùng làm ăn. Cuối năm 2019, đầu năm 2020, thông qua môi giới, có người ở Hải Phòng muốn mua 65% cổ phần dự án của tôi để đầu tư. Hơn nữa do sức ép phải trả nợ số tiền mà tôi đã vay trước để đầu tư dự án. Tôi đồng ý chuyển nhượng 65% cổ phần cho anh Nguyễn Trung T2. Ngày 03/01/2020 đã đến phòng đăng ký kinh doanh làm thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Hiện tại anh Nguyễn Trung T2 là người nắm nhiều cổ phần nhất trong Công ty nên làm giám đốc. Mọi việc trong Công ty là do anh T2 quyết định. Vì các thành viên từ cuối năm 2012 không tham gia đóng góp, nếu tôi không trả tiền đền bù bổ sung thì dự án cũng đã bị thu hồi. Tôi cũng là người trực tiếp nộp các khoản thuế, phí của Công ty.

Đề nghị Tòa cho tôi được trả lại số tiền ông Hoàng Minh G, ông Vũ Bá L đã góp thực tế vào Công ty, cụ thể ông G 525.000.000đ, ông L 155.000.000đ. Đối với anh Nguyễn Đức T, khi nào anh T trả tôi đất đã mượn của Công ty thì tôi sẽ trả anh T tiền đã góp vốn 190.000.000đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Đào Thái H là người đại theo ủy quyền của chị Đào Thùy D trình bày: Năm 2005 ông T1 có mời tôi tham gia vào Công ty. Tôi có góp 10% cổ phần và lấy tên con gái tôi là Đào Thùy D đứng tên toàn bộ số cổ phần trên. Năm 2011 tôi đã chuyển nhượng số cổ phần trên cho ông T1 và ông G. Tại Biên bản hội nghị cổ đông năm 2019 tôi là người ký thay cho con tôi là Đào Thùy D theo yêu cầu của anh T1 để làm thay đổi đăng ký kinh doanh. Hiện tại tôi không liên quan gì

đến Công ty. Tôi từ chối tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Tòa không triệu tập tôi vì tôi không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến Công ty nữa.

- Bà Nguyễn Thị L1 *trình bày*: Năm 2004 anh trai tôi là Nguyễn Minh T1 có cho tôi đứng tên một số cổ phần của Công ty, toàn bộ số tiền mua cổ phần là do anh T1 bỏ ra, tôi không có đóng góp gì. Sau đó anh T1 gọi tôi đến ký giấy tờ để bán cổ phần, còn bán cho ai, giá bao nhiêu tôi không biết. Tôi chỉ là người đứng tên số cổ phần của anh T1, còn các việc khác tôi không biết. Tôi ký các giấy tờ của Công ty theo sự chỉ đạo của anh T1. Hiện tại tôi không liên quan gì đến Công ty. Tôi từ chối tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Tòa không triệu tập tôi vì tôi không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến Công ty nữa.

- Ông Hoàng Văn T3 *trình bày*: Năm 2005 anh L tham gia Công ty T4 nhưng do khi đó anh L đang là công chức nhà nước không thể đứng tên là cổ đông trong Công ty được nên đã nhờ tôi đứng tên hộ. Sau đó tôi đã chuyển nhượng hết số cổ phần cho anh T và anh L. Trong quá trình thành lập và hoạt động của Công ty tôi không có tham gia và ký vào bất kì biên bản nào. Hiện tại tôi không liên quan gì đến Công ty. Tôi từ chối tham gia vụ án với tư cách người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Tòa không triệu tập tôi vì tôi không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến Công ty nữa.

- Anh Nguyễn Thanh L2 *ủy quyền cho ông Nguyễn Thế B trình bày*: Tôi có tham gia công ty từ đầu và có 10% cổ phần. Số cổ phần của tôi đã chuyển nhượng hết cho ông T1, sau đó ông T1 chuyển nhượng lại cho anh T. Tại Biên bản đại hội cổ đông năm 2019, tôi là người ký thay cho anh Nguyễn Thanh L2 theo yêu cầu của anh T1 để làm thay đổi đăng ký kinh doanh. Hiện tại tôi không liên quan gì đến Công ty. Tôi từ chối tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đề nghị Tòa án không triệu tập tôi vì tôi không có quyền lợi, nghĩa vụ gì liên quan đến Công ty nữa.

- Công ty T4 *đại diện theo pháp luật là anh Nguyễn Trung T2 trình bày*: Năm 2020 tôi có thông qua môi giới mua 65% cổ phần của Công ty cổ phần T4. Tôi đã gặp toàn bộ các cổ đông và thỏa thuận thống nhất giá, đã qua phòng công chứng kiểm tra tất cả các thủ tục pháp lý của Công ty và thấy Công ty hoàn toàn hợp pháp nên tôi nhận chuyển nhượng cổ phần từ anh Nguyễn Minh T1, lúc đó là Giám đốc công ty T4. Hiện tại tôi là người đại diện theo pháp luật của Công ty T5 từ ngày ký hợp đồng mua bán, còn từ đó về trước là do ông T1, đại diện pháp lý công ty, chịu mọi trách nhiệm về tranh chấp cổ phần. Tôi không liên quan và không chịu trách nhiệm.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 31/12/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình diện tích đất của Công ty H2 giáp đập tràn, hướng Tây giáp đường đi tổ H, hướng Bắc giáp các hộ dân, hướng Đông Bắc giáp V.

Toàn bộ diện tích đất đã xây tường bao cao 1,6m và phía trên có lưới B40 dài khoảng 600m, phần còn lại khoảng 400m rào bằng lưới sắt B40.

Trên đất có 03 nhà, cụ thể: 01 nhà cấp 4 có 04 gian, diện tích khoảng 100m², M lợp tôn lạnh; 01 sân khoảng 100m² lợp mái hiên khoảng 50m²; 01 nhà cấp 4 có 05 gian, mái lợp prôximăng, hiện tại bỏ hoang; 01 nhà cấp 4 có 05 gian mái lợp prôximăng, trước dùng để nuôi gà, hiện tại bỏ hoang; Có một số cây ăn quả như: Mít, na, bưởi, chuối, nhãn, một số cây cảnh, cỏ voi; Có 01 cột điện 220KW, 02 cột điện 110KW, 01 cột điện 35KW; Có 01 ao diện tích khoảng 3ha, bên cạnh ao có 01 lán đã cũ, diện tích khoảng 80m², mái lợp prôximăng, hiện tại bỏ hoang; 02 liều cạnh ao để nuôi cá, bốn phía vây bằng tôn, mái lợp prôximăng.

Phía bên kia bờ suối Công ty đã cho ông T mượn đất, diện tích khoảng 4000m². Trên đất ông T đã xây bãi đỗ xe và vườn hoa.

Tại bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 24 tháng 8 năm 2021, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 30; điểm a khoản 1 Điều 37; Điều 39; Điều 147; Điều 157; Điều 184; Điều 271; Điều 273; Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 401, Điều 405 Bộ luật dân sự 2005; Điều 84, Điều 87, Điều 119 Luật doanh nghiệp 2005. Khoản 2, 5 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, nộp, án phí và lệ phí tòa án; Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Minh G, ông Nguyễn Đức T, ông Vũ Bá L. Buộc Công ty cổ phần T4 phải thực hiện đúng nghị quyết Hội nghị cổ đông số 02/2011/NQHNCĐ-TA ngày 22/3/2011 của Công ty. Lập hồ sơ trình phòng Đăng ký kinh doanh, sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh H, sửa đổi điều lệ Công ty và vào sổ đăng ký cổ đông, bổ sung các thành viên mới đối với các ông Hoàng Minh G, Vũ Bá L, Nguyễn Đức T theo đúng pháp luật hiện hành về Công ty cổ phần.

2. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của ông Nguyễn Minh T1.

Ngoài ra, Tòa án sơ thẩm còn quyết định về án phí, nghĩa vụ thi hành án và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30/8/2021, bị đơn là ông Nguyễn Minh T1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa, ông T1 vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị chấp nhận yêu cầu phản tố của ông, không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phía nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, đề nghị không tiếp nhận kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Cấp sơ thẩm chưa xác định việc góp vốn của các cổ đông sáng lập nên chưa có cơ sở xác định họ đã có quyền chuyển nhượng hay không.

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông chưa có cơ sở xác định tổng giá trị tài sản đã đóng góp của các cổ đông, do đó, việc xác định tỷ lệ theo nghị quyết là không có cơ sở. Tòa án cấp sơ thẩm thu thập chứng cứ không đầy đủ, không tiến hành định giá tài sản. Do đó không có đủ căn cứ giải quyết theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông. Đề nghị hủy án sơ thẩm, giao hồ sơ về tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu tại hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị đơn là ông Nguyễn Minh T1 kháng cáo bản án sơ thẩm, đề nghị không chấp nhận nội dung khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn.

Sau khi xem xét Hội đồng xét xử thấy:

Công ty cổ phần T4 (gọi tắt là Công ty T4) thành lập năm 2005 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 25.03.000078 Ngày 08/9/2005 của Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh H.

Sau khi được thành lập, Công ty T4 đăng ký thay đổi lần thứ nhất vào ngày 27/12/2006; Thay đổi lần thứ 2 vào ngày 03/11/2016; Thay đổi lần thứ 3 vào ngày 02/12/2019; Thay đổi lần thứ 4 vào ngày 03/01/2020. Trải qua 04 lần đăng ký thay đổi, vốn điều lệ của Công ty không thay đổi đều là 5.500.000.000 đồng, mệnh giá cổ phần 1.000.000 đồng. Tổng số cổ phần là 5.500 cổ phần.

Vì có vi phạm trong quá trình thay đổi đăng ký kinh doanh và có khiếu nại, Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh H đã ban hành Quyết định số 13/QĐ-ĐKKD ngày 27/9/2019 hủy bỏ lần thay đổi đăng ký doanh nghiệp do các thông tin giả mạo, khôi phục lại giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp ngày 27/12/2006.

2. Liên quan đến nội dung khởi kiện của nguyên đơn, phía nguyên đơn khởi kiện với nội dung đề nghị công nhận Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 02/3/2011 của Công ty T4, trong đó có nội dung công nhận số cổ phần của các cổ đông theo tỷ lệ.

Sau khi xem xét, Hội đồng xét xử thấy:

2.1. Tại Nghị quyết Hội nghị cổ đông Công ty ngày 02/3/2011 có các nội dung:

- + Đánh giá tiến độ thực hiện dự án Đ – Núi Đung của Công ty.
- + Soạn thảo quy chế góp vốn vào các vấn đề liên quan đến việc góp vốn thực hiện dự án.
- + Thay đổi chuyên nhượng và kết nạp thêm một số thành viên mới.

Theo đó, sau khi đánh giá tình hình khó khăn trong việc thực hiện dự án, bồi thường đền bù giải phóng mặt bằng và giải quyết khiếu nại, các thành viên của Công ty (cả cũ và mới) đã thống nhất quy chế góp vốn như sau: *“Tùy theo tiến độ thực hiện dự án khi cần phải góp vốn, Hội nghị cổ đông (cũng là thành viên Hội đồng quản trị) họp ra Nghị quyết và giao cho Chủ tịch Hội đồng quản trị ra quyết định góp vốn, sau 7 ngày nếu các thành viên Công ty do hoàn cảnh nào đó không có khả năng góp vốn thì các thành viên còn lại sẽ góp vốn thay, nếu không có thành viên nào góp thì Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ thông báo mời gọi các đối tác bên ngoài góp vốn để thực hiện dự án. Sau từ 3 - 6 tháng, Công ty sẽ quyết toán số tiền đã góp của từng thành viên chia theo tỷ lệ được hưởng cổ phần đã góp cho tới thời điểm hiện tại.*

Trong trường hợp cụ thể mỗi lần họp bàn về vấn đề góp vốn, Hội nghị sẽ bàn bạc, ấn định tỷ lệ % cổ phần cho từng lần góp vốn. Nếu các thành viên nào không đóng sẽ bị trừ đi số cổ phần tương ứng”.

Nội dung thứ 3 là: “Thay đổi một số thành viên góp vốn và tỷ lệ cổ phần thực tế như sau:

1. Ông Nguyễn Minh T1: 37,5% cổ phần;
2. Ông Hoàng Minh G: 30% cổ phần;
3. Ông Nguyễn Đức T: 22,5% cổ phần;
4. Ông Vũ Bá L: 10% cổ phần”.

Nội dung Nghị quyết cũng ghi rõ: Nghị quyết này thay thế cho các Nghị quyết trước về tỷ lệ cổ phần và có giá trị kể từ ngày ký.

Như vậy, nội dung tranh chấp của các đương sự đều liên quan đến Nghị quyết ngày 02/3/2011, việc xem xét các vấn đề này phải căn cứ vào quy định của Luật doanh nghiệp:

Xét nội dung “quy chế góp vốn và các vấn đề liên quan đến góp vốn” của Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 02/3/2011 của Công ty T4 đã được trích dẫn cụ thể phần trên có nội dung tóm tắt là các thành viên phải có nghĩa vụ góp vốn thực tế theo tiến độ thực hiện dự án, nếu thành viên nào không có khả năng góp thì các thành viên còn lại sẽ góp vốn thay, nếu các thành viên đều không còn khả năng thì mới gọi đối tác bên ngoài, tỷ lệ góp sẽ thay đổi trên cơ sở thực tế vốn góp của từng người theo mỗi lần quyết toán số tiền thực góp. Như vậy, nội dung ghi nhận tại quy chế là không trái quy định của Luật doanh nghiệp.

Theo các tài liệu tại hồ sơ vụ án và xác nhận của các đương sự thì: Ông G đã góp 525.000.000 đồng; Ông T góp 190.000.000 đồng; Ông L góp 155.000.000 đồng. Từ đó đến nay không góp thêm một số tiền nào khác.

Theo biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 30/3/2012 tiếp tục có nội dung nêu sau này phải đóng góp xây dựng dự án thì các thành viên tiếp tục đóng góp.

Theo quy định của Luật doanh nghiệp thì trong thời hạn 90 ngày, cổ đông phải thanh toán đủ số cổ phần đã đăng ký mua kể từ ngày được cấp Giấy chứng

nhận đăng ký kinh doanh. Công ty phải được chỉnh vốn điều lệ bằng giá trị mệnh giá số cổ phần đã được thanh toán và thay đổi cổ đông sáng lập.

Như vậy, căn cứ vào số tiền ông G, ông L, ông T đã thanh toán mua cổ phần đều không đủ theo tỷ lệ cổ phần được ghi nhận tại Đại hội cổ đông ngày 02/3/2011. Cụ thể, vốn điều lệ của Công ty T4 là 5.500.000.000 đồng, mệnh giá cổ phần 1.000.000 đồng, tổng số cổ phần là 5.500 cổ phần. Ông G đã thanh toán 525.000.000 đồng, tương đương 525 cổ phần. Ông T thanh toán 190.000.000 đồng, tương đương 190 cổ phần. Ông L thanh toán 155.000.000 đồng, tương đương 155 cổ phần. Như vậy, số cổ phần đã được thanh toán của ông G, ông T, ông L nhỏ hơn nhiều so với tỷ lệ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 02/3/2011. Do đó, đề nghị của nguyên đơn về việc ghi nhận số cổ phần theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 02/3/2011 là chưa có căn cứ, không phù hợp với quy định của Luật doanh nghiệp cũng như quy chế góp vốn và các vấn đề liên quan đến góp vốn được quy định tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 02/3/2011.

2.2. Về vấn đề ông T1 đã thanh toán số tiền đền bù giải phóng mặt bằng bổ sung và số tiền chi phí xây dựng tường rào đào ao, xây nhà... tại dự án, sau khi xem xét, Hội đồng xét xử thấy:

Theo lời khai của ông T1 và phía nguyên đơn xác nhận: Sau khi thanh toán số tiền mua cổ phần như đã nêu trên phát sinh những khoản chi phí mới để thực hiện dự án như số tiền đền bù giải phóng mặt bằng bổ sung và các chi phí xây dựng khác, ông T1 đã đề nghị các cổ đông tiếp tục đóng góp theo quy chế góp vốn và các vấn đề liên quan đến góp vốn được quy định tại nghị quyết đại hội đồng cổ đông 02/3/2011 nhưng phía nguyên đơn đã không thực hiện, để giữ lại dự án, ông T1 đã tự mình bỏ tiền đền bù, giải phóng mặt bằng bổ sung số tiền hơn 694.000.000 đồng (có giấy tờ hợp lệ), đồng thời xây nhà, đào ao, tường rào, chuồng trại chăn nuôi... Theo ông T1 là hết hơn 04 tỷ đồng.

Phía nguyên đơn thừa nhận số tiền bồi thường bổ sung đợt 2 và số tiền xây tường bao. Tổng số là 754.000.000 đồng. Số tiền còn lại các bên đương sự không thống nhất được. Tòa án cấp sơ thẩm đề nghị cung cấp chứng cứ. Ông T1 nói đã nộp toàn bộ giấy tờ, tài liệu liên quan đến việc xây dựng, đào ao... cho cơ quan Công an khi ông bị phía nguyên đơn tố cáo, đồng thời các bên đương sự đều thống nhất việc định giá giá trị xây dựng các công trình trên đất dự án.

Tòa án cấp sơ thẩm khi nhận định về vấn đề này cho rằng ông T1 không có tài liệu chứng minh sau đó không chấp nhận là không thuyết phục vì:

Thực tế phía nguyên đơn đã tố cáo ông T1 đến cơ quan Công an, để thực hiện việc giải quyết đơn tố cáo, các tài liệu này được thu thập tại cơ quan Công an. Tòa án cần phải thu thập các tài liệu này, nếu đương sự không cung cấp được thì cần đề nghị cơ quan Công an cung cấp để làm căn cứ giải quyết vụ án. Mặt khác, nếu không thu thập được tài liệu hoặc các bên đương sự không công nhận số liệu chi phí theo tài liệu được thu thập thì cần phải định giá giá trị các vật kiến trúc, xây dựng trên đất dự án để đảm bảo quyền lợi chính đáng của các đương sự.

Việc Tòa án cấp sơ thẩm không tiến hành thu thập chứng cứ, không tiến hành định giá tài sản là thu thập chứng cứ không đầy đủ, cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Bên cạnh đó cũng cần xem xét việc ông T1 tự bỏ chi phí bồi thường đợt 2 và tiến hành xây dựng trên đất dự án là để thực hiện nội dung “quy chế góp vốn và các vấn đề liên quan đến việc góp vốn” được xác định tại Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông Công ty T4 ngày 02/3/2011. Tòa án cấp sơ thẩm không xem xét, đánh giá vấn đề này là không có cơ sở thuyết phục, không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

Từ những phân tích đánh giá trên, HĐXX thấy những sai sót trên là nghiêm trọng, cấp phúc thẩm không khắc phục được, cần phải hủy toàn bộ bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại vụ án theo quy định của pháp luật.

3. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ Điều 308, 310 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Nguyễn Minh T1. Hủy toàn bộ Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 01/2021/KDTM-ST ngày 24 tháng 8 năm 2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

Giao hồ sơ vụ án về Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình giải quyết lại vụ án theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Ông Nguyễn Minh T1 không phải chịu án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm. Trả lại cho bà Nguyễn Minh T1 số tiền 2.00.000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000855 ngày 01/9/2021 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình.

Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm sẽ được xác định khi giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HS, phòng HCTP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Huyền Cường

